

Bản án số: 176/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2026

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Ngày 29 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở 1 - Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2026, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị D, sinh ngày 01/01/1979; Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, bà Bùi Thị D, trình bày: Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Thanh H cưới nhau năm 1999, hôn nhân do mai mối, bà cũng đồng ý kết hôn với ông H, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H (nay là xã L), tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông H có người phụ nữ khác, vợ chồng không có tiếng nói chung, sống chung không còn hạnh phúc. Bà và ông H sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Thanh H vì không thể hàn gắn được. Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Thị Yến N, sinh ngày 21/3/2000, Phạm Thị Thu S, sinh ngày 20/10/2002, đã đủ tuổi trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về

tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn ông Phạm Thanh H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định nhưng ông H vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Thanh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Bùi Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phạm Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị D và ông Phạm Thanh H được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét, yêu cầu của bà D là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa bà D và ông H có phát sinh mâu thuẫn gia đình. Bà D và ông H không còn sống chung đã lâu vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập ông H đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà D và ông H không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Bùi Thị D được ly hôn với ông Phạm Thanh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; bà D đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị Diệu . Cho bà Bùi Thị D được ly hôn với ông Phạm Thanh H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Diệu C 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003664 ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, bà D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú